

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2021/DS-ST
Ngày: 29/6/2021
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng thế
tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Bích Khiếm

Các Hội Thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Phước.

Ông Đào Khel.

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Ngọc Hân là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy T – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/6/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng thế tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S

Địa chỉ: Số 266-268, NKKN, Quận B, thành phố H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám Đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Khắc V** - Chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ - Phòng kiểm soát rủi ro của Ngân hàng thương mại cổ phần S - Chi nhánh T (theo giấy ủy quyền số 667/2021/GUQ-CNST về việc tham gia tố tụng ngày 29/6/2021) (có mặt)

Địa chỉ: Số 30, đường THĐ, phường H, thành phố S, tỉnh T.

- Bị đơn: Bà **Trần Thị Huỳnh T**, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 267/21A, đường TCD, khóm B, phường H, thành phố S, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2020 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Khắc V trình bày:

Vào ngày 30/7/2015 bà Trần Thị Huỳnh T ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và văn bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng), với nội dung thỏa thuận như sau:

- Hạn mức tín dụng là: 10.000.000 đồng;
- Loại thẻ: Motor car;
- Lãi suất vay: 2,5%;

Sau khi được cấp thẻ bà T đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 20.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng dịch vụ thẻ bà T đã thanh toán được số tiền 16.810.963 đồng ngưng cho đến nay. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở nhưng bà T không có thiện chí trả nợ, ngày 01/5/2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 12/10/2020 bà T còn nợ Ngân hàng số tiền gốc chưa thanh toán là 9.758.258 đồng, tiền lãi quá hạn chưa thanh toán là 15.464.910 đồng. Tổng cộng là 25.223.168 đồng.

Tại phiên Tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Khắc V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Huỳnh T thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 28.394.648 đồng tạm tính đến ngày 29/6/2021 và tiếp tục thanh toán tiền lãi và phí phát sinh cho đến ngày thanh toán hết nợ.

- Bị đơn bà Trần Thị Huỳnh T từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến gì.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng trình bày ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ, tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngân hàng đã giao nộp các tài liệu sau: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng (bản sao chứng thực) kèm Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S (bản photo đóng dấu treo Ngân hàng); tóm tắt sao kê của Trần Thị Huỳnh T (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến trình bày của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện ngày 26/10/2020 Ngân hàng ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bà Trần Thị Huỳnh T theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 30/7/2015 là Số 267/21A, đường TCD, khóm B, phường H, thành phố S, tỉnh T. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án không tổng đạt được thông báo thụ lý vụ án cho bà T do bà T thường xuyên vắng mặt tại địa chỉ trên nhưng bà T không thông báo cho Ngân hàng biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được coi là cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, Tòa án căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết theo thủ tục chung.

[2] Tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị Huỳnh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[3] Theo tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp, căn cứ khoản 1 Điều 95 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận trên thực tế giữa Ngân hàng và bà T có giao kết giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 30/7/2015 với nội dung Ngân hàng cấp cho bà T thẻ tín dụng có hạn mức 10.000.000 đồng để tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn 2,5%/tháng, lãi suất quá hạn 3,75%/tháng bà T đã thực hiện các giao dịch vào ngày 31/8/2015 với số tiền 10.000.000 đồng và giao dịch ngày 30/6/2016 với số tiền 10.000.000 đồng, tổng số tiền bà T sử dụng là 20.000.000 đồng. Từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 16.810.963 đồng và từ ngày 01/5/2017 bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng chuyển quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

[4] Tại Điều 2 của điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại Cổ phần S thì bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc Ngân hàng yêu cầu trả số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 29/6/2021

bà T còn nợ lại tổng cộng số tiền là 28.394.648 đồng, trong đó: nợ gốc: 9.758.258 đồng; lãi quá hạn: 18.636.390 đồng là có căn cứ phù hợp với điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại Cổ phần S và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 11, khoản 7 Điều 16, điểm c khoản 2 Điều 24 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước được sửa đổi bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 quy định.

[5] Như đã phân tích nêu trên lời đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn Ngân hàng thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí. Bị đơn Trần Thị Huỳnh T phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 1.419.732 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 95, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 273, Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 11, khoản 7 Điều 16, điểm c khoản 2 Điều 24 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước được sửa đổi bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 quy định; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại Cổ phần S.

2. Buộc bị đơn bà Trần Thị Huỳnh T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại Cổ phần S số tiền vốn và lãi tính đến ngày 29/6/2021 còn nợ tổng cộng số tiền là 28.394.648 đồng, trong đó: nợ gốc: 9.758.258 đồng; lãi quá hạn: 18.636.390 đồng.

Kể từ ngày 30/6/2021 bà Trần Thị Huỳnh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà bà T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại Cổ phần S cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại Cổ phần S.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Ngân hàng thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 630.500 đồng theo biên lai thu số 0004971 ngày 29/12/2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn bà Trần Thị Huỳnh T phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 1.419.732 đồng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDTP Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP Sóc Trăng;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Lý Bích Khiêm

